

Đồng Hới, ngày 03 tháng 7 năm 2023

Số: 13/2023/QĐST- KDTM

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 32/2023/TLST - KDTM ngày 19/5/2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V; địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Phó giám đốc Trung tâm P và cá nhân, V1 (Theo Văn bản Ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP V (V2)); ủy quyền lại cho ông Trần Tiến L – Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng V2 Chi nhánh Q (Theo Văn bản Ủy quyền số 313/2023/UQ-LCC-PUNKHDNMB ngày 21/3/2023 của Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ Pháp lý Ngân hàng TMCP V (V2)); địa chỉ: Số A T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

- Bị đơn: Công ty TNHH X; địa chỉ: Số C đường L, xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Hương G - Giám đốc.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Hương G, sinh năm: 1974; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tiền gốc và lãi: Căn cứ theo Hợp đồng cho vay số QBI/21116 ngày 29/09/2021 (kèm theo Khế ước nhận nợ Lần 01/Số: QBI/21116-01 ký ngày 30/09/2021); Hợp đồng cho vay hạn mức số QBI/21132 ngày 01/11/2021 (kèm theo

02 Khế ước nhận nợ số 070722-7267409-ONL-4 ký ngày 07/7/2022 và 200722-7267409-ONL-5 ký ngày 20/07/2022); Hợp đồng cho vay số QBI/21149 ngày 10/12/2021 (kèm theo Khế ước nhận nợ số Lần 01/Số QBI/21149-01 ký ngày 13/12/2021) được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V (V2) với Công ty TNHH X. Công ty TNHH X phải trả cho Ngân hàng TMCP V (V2) tính đến ngày 23/6/2023 với tổng số tiền gốc và lãi là: 3.322.504.337 đồng (trong đó: Nợ gốc: 2.883.161.092 đồng, nợ lãi quá hạn: 422.964.622 đồng, phạt chậm trả lãi: 16.378.623 đồng).

2.2. Thời hạn trả số tiền gốc và lãi: Hai bên đương sự thỏa thuận, thống nhất Công ty TNHH X sẽ thanh toán hết khoản nợ như sau:

Lần 1: Ngày 25/7/2023 trả 200.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 25/8/2023 trả 300.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 25/9/2023 trả 300.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 25/10/2023 trả 500.000.000 đồng.

Lần 5: Ngày 25/11/2023 trả 500.000.000 đồng.

Lần 6: Đến ngày 25/12/2023 thanh toán hết toàn bộ số tiền gốc, lãi và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký từ ngày 24/6/2023 đến khi trả hết nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án lập Biên bản hòa giải thành, Công ty TNHH X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số QBI/21116 ngày 29/09/2021 (kèm theo Khế ước nhận nợ Lần 01/Số: QBI/21116-01 ký ngày 30/09/2021); Hợp đồng cho vay hạn mức số QBI/21132 ngày 01/11/2021 (kèm theo 02 Khế ước nhận nợ số 070722-7267409-ONL-4 ký ngày 07/7/2022 và 200722-7267409-ONL-5 ký ngày 20/07/2022); Hợp đồng cho vay số QBI/21149 ngày 10/12/2021 (kèm theo Khế ước nhận nợ số Lần 01/Số QBI/21149-01 ký ngày 13/12/2021) đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP V (V2) và Công ty TNHH X cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay.

2.3. Về tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay: Trường hợp Công ty TNHH X vi phạm thời hạn của một trong các lần trả nợ thì được coi như vi phạm toàn bộ thỏa thuận thì Ngân hàng TMCP V (V2) có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp của Công ty TNHH X để thu hồi toàn bộ số nợ còn lại chưa thanh toán và số tiền lãi phát sinh do chậm thi hành cho Ngân hàng, cụ thể như sau:

+ Xe ô tô con nhãn hiệu Mazda số loại CX-5 Premium mang Biển số: 73A-219.26 có Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 73006490 do Phòng C Công an tỉnh Q cấp ngày 28/09/2021 mang tên CTY TNHH XDTH VÀ KDTMVT SƠN LONG. Tại Hợp đồng thế chấp số QBI/21116/HĐTC ngày 29/09/2021. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 29/09/2021 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng.

+ Xe ô tô tải nhãn hiệu Chenglong số loại LZ1310H7FBT mang Biển số: 73H-003.69 có Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 73009180 do Phòng C Công an tỉnh Q cấp ngày 09/12/2021 mang tên CTY TNHH XDTH VÀ KDTMVT SƠN LONG. Tại

Hợp đồng thế chấp số QBI/21149/HĐTC ngày 10/12/2021. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 10/12/2021 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng.

+ Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán các khoản nghĩa vụ của Công ty TNHH X thì Ngân hàng TMCP V (V2) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của Công ty TNHH X để thanh toán nợ tại Ngân hàng TMCP V (V2). Đồng thời, buộc bà Nguyễn Thị Hương G, là người bảo lãnh cho Công ty TNHH X tại hợp đồng bảo lãnh số QBI/21132/HDBL ngày 01/11/2021, thực hiện thay toàn bộ nghĩa vụ của Công ty X tại Ngân hàng TMCP V (V2). Ngân hàng TMCP V (V2) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bà Nguyễn Thị Hương G để thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP V (V2).

2.4. Về án phí: Công ty TNHH X thỏa thuận chịu toàn bộ án phí tranh chấp kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền 49.225.043 đồng (Bốn mươi chín triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, không trăm bốn mươi ba đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Ngân hàng TMCP V (V2) không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho TMCP Việt Nam V (V2) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 37.245.000 đồng (Ba mươi bảy triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng chẵn) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 31AA/2021/0001533 ngày 19/5/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Đồng Hới.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADSTP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh

